

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/3/2021.

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hoàng Thị Thiện Lai**;
2. Bà **Nguyễn Thị Hồng Huệ**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Tường Vi**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An G: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C M xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 812/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 588/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Mỹ X**, sinh năm 1997; địa chỉ: ấp CN, xã H Y, huyện A B, tỉnh K G (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp L H1, xã L K, huyện C M, tỉnh AG (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản không hòa giải được và tại phiên tòa, nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Mỹ X** trình bày: Chị và anh **T** do quen biết và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2016, đến ngày 21/4/2017 anh chị mới đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã L K huyện C M, tỉnh AG. Anh chị sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, trong cuộc sống thường X cự cãi, tính tình không phù

hợp nhau. Anh chị không còn sống chung từ đó đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn anh yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Trung H, sinh ngày 28/3/2017 hiện nay đang sống chung với anh T, khi ly hôn chị X đồng ý để anh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ X xác định không có.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ X xác định không có.

Anh Phạm Văn T đã được tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt, cũng như không tham gia các phiên hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Chị X khởi kiện anh T cư trú ấp L H1, xã L K, huyện C M, tỉnh AG, Tòa án nhân dân huyện C M thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh T đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị X và anh T do quen biết và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2016, đến ngày 21/4/2017 anh chị mới đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã L K, huyện C M, tỉnh AG. Anh chị sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, trong cuộc sống thường X cự cãi, tính tình không phù hợp nhau. Chị và anh T không còn sống chung từ đầu năm 2020 cho đến nay, như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung giữa chị X, anh T không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị X yêu cầu ly hôn với anh T, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình “ Khi vợ hoặc chồng xin ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn...” Tại phiên tòa, chị X xác định tình cảm không còn. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị X là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Trung H, sinh ngày 28/3/2017, hiện cháu H đang sống chung với anh T. Khi ly hôn chị X đồng ý để anh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên, hiện nay cháu H sống ổn định với anh T vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần, tại phiên Tòa chị X cũng đồng ý để anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu H cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là

phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình “ Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con ; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tại phiên tòa, chị X không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, anh T không có ý kiến phản đối, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. *Về tài sản chung*: Chị X xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. *Về nợ chung*: Chị X xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị X xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh, chị trong thời kỳ hôn nhân thì anh chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7]. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Mỹ X phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ:

Các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ X.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ X được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 43/2017 ngày 21/4/2017 của Ủy ban nhân xã L K, huyện C M, tỉnh AG không còn giá trị pháp Lý.

- Về con chung: Anh Phạm Văn T được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng con chung tên Phạm Trung H, sinh ngày ngày 28/3/2017. Chị Nguyễn Thị Mỹ X không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Văn T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Nguyễn Thị Mỹ X trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ X xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ X xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị Mỹ X xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh T, chị X thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ X phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009194 ngày 11.01.2001 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C M, tỉnh AG. Chị Nguyễn Thị Mỹ X không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- VKSND huyện C M;
- Chi cục THADS huyện C M;
- UBND xã L K, huyện
Chợ Mới, tỉnh AG.
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn